**Tuần 28 Ngày soạn: 12/3/2023**

**Tiết 28 Ngày dạy:**

**PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (T2)**

**IV. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

**1.Ổn định tổ chức: 6A: 6B:**

**2. Các hoạt động dạy và học**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**Hoạt động 1: Tự bảo vệ khi có bão**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận diện được dấu hiệu trười sắp có mưa, bão và tự bảo vệ bản thân trước, trong và sau khi mưa bão.

**b. Nội dung:**

- Nhận diện dấu hiệu trời sắp mưa, bão qua câu ca dao, tục ngữ

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Nhiệm vụ 1: Nhận diện dấu hiệu trời sắp mưa, bão qua ca dao, tục ngữ***

- GV chia lớp thành hai đội, mỗi đội sẽ cử đại diện đọc một câu ca dao, tục ngữ có dấu hiệu của trời sắp mưa, bão. Đội nào đọc được nhiều câu hơn sẽ thắng.

- HS các đội đọc các câu ca dao, tục ngữ:

“ Gió heo may chuồn chuồn bay thì bão.”

“ Bao giờ trời kéo vảy tê

Sắp gồng sắp gánh ta về kẻo mưa.”

“ Mây đằng Đông vừa trông vừa chạy

Mây đằng Nam vừa làm vừa chơi”

“Tháng bảy kiến đàn đại hàn hồng thủy”

- GV giải thích một số hiện tượng được mô tả trong câu ca dao, tục ngữ mà HS chưa

hiểu rõ (nếu có).

- *GV chốt lại một số dấu hiệu trời sắp mưa, bão:*

* Bầu trời quang đãng, không khí ơi bức, ngột ngạt, lặng gió kéo dài vài ngày.
* Xuất hiện mây vẫn vũ như nếp nhăn, tích tụ phía cuối chân trời. Trên lớp mây này thường có quầng mây xuất hiện, tây cứ thấp dần, dày, đen dần, bay nhanh và ngày càng nhiều.
* Chớp xa xuất hiện liên tục, đều đặn, hướng chớp sáng nhất là hướng đang có bão hoạt động. Đối với vùng ven biển nước ta, trước khi bão tới thường xuất hiện chóp ở hướng Đông - Nam.

***\* Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu các việc cần làm trước, trong và sau khi có bão***

- GV yêu cầu thảo luận cặp đôi về các việc nên làm trước, trong và sau khi có bão.

- GV quan sát các cặp đôi làm việc và hỗ trợ khi cần thiết.

- GV mời đại diện các cặp đôi lên trình bày ý kiến. Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung ý kiến của mình.

- GV nhận xét hoạt động và chốt lại các việc nên làm trước, trong và sau khi có bão để đảm bảo an toàn của bản thân và gia đình:

* Theo dõi tin bão trên truyền hình, đài báo
* Kiểm tra những chỗ hư hỏng của nhà mình để kịp thời sửa chữa
* Kiểm tra nguồn nước xem có bị hư hỏng không.

**Hoạt động 2: Tự bảo vệ trước lũ lụt**

**a. Mục tiêu:** tự bảo vệ trước, trong và sau khi lũ lụt

**b. Nội dung:**

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Nhiệm vụ 1: Nhận diện dấu hiệu có thể xảy ra lũ lụt và chia sẻ những việc cấn làm trước khi lũ lụt***

- GV phỏng vấn nhanh một số HS về những dấu hiệu có thể xảy ra lũ lụt.

- GV mời một số em chia sẻ về những việc các em đã hoặc sẽ làm trước và trong khi xảy ra lũ lụt.

- GV nhắc nhở HS thường xuyên theo dõi thông tin mưa lũ trên đài truyển hình, báo, đài phát thanh để biết thông tin về mưa lũ, quan sát các dấu hiệu có thể xảy ra lũ lụt

để thực hiện tự bảo vệ.

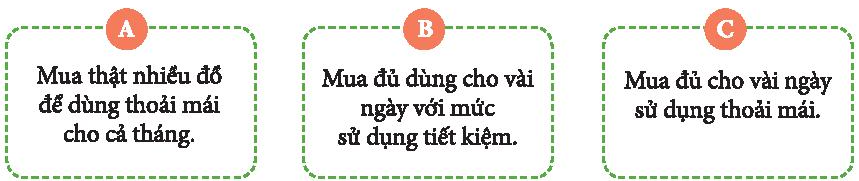
***\* Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị nhu yếu phẩm khi có nguy cơ lũ lụt***

- GV tổ chức cho HS chia sẻ trong nhóm đôi về tình huống và câu hỏi ở ý 1, nhiệm vụ 3 SBT

***Tình huống***: Nếu khu vực em đang sinh sống có nguy cơ tua bão dài ngày, lũ lụt dâng cao, em sẽ chuẩn bị những vật dụng gì? Vì sao?

- *HS trả lời*: Những nhu yếu phẩm cần chuẩn bị khi có nguy cơ lũ lụt: nước sạch, thực phẩm khô/ thực phẩm đóng hộp, đèn pi/ đèn tích điện và pin dự phòng, thuốc và túi cứu thương, áo mưa, ủng lội nước, điện thoại, đồ dùng vệ sinh cá nhân (kem đánh răng, xà phòng,...), tiên mặt, quần áo,...

- GV đặt câu hỏi: *Em sẽ chọn tua lương thực, thực phẩm với số lượng như thế nào? Vì sao?*



- GV mời đại diện các nhóm chia sẻ.

***\* Nhiệm vụ 3: Hành động khi xảy ra lũ lụt và sau lũ lụt***

GV phát phiếu cho HS và yêu cầu làm theo nhóm để chia sẻ về những hành động đã và sẽ làm khi xảy ra lũ lụt:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Việc làm** | **Đã thực hiện** | **Không thực hiện** |
| Trong khi lũ lụt | | | |
| 1 | Tìm sự hỗ trợ của người lớn. |  |  |
| 2 | Tắt cầu dao điện và khoá van bình ga. |  |  |
| 3 | Di chuyển đến khu vực, vị trí cao càng nhanh càng tốt. |  |  |
| 4 | Tránh xa các bờ sông hoặc suối ở các vùng ngập lụt; không đi gần khu vực cầu, cống khi nước đang lên. |  |  |
| 5 | Mặc áo phao nếu có hoặc sử dụng các đồ vật nổi khác (thùng nhựa, săm xe, thân cây chuối,...). |  |  |
| 6 | Vớt củi trên sông, suối khi có lũ. |  |  |
| 7 | Không lội xuống nước gần dây điện hoặc cột điện. |  |  |
| 8 | Lội qua suối khi có dòng nước chảy xiết. |  |  |
| Sau khi lũ rút | | | |
| 1 | Tránh xa khu vực dòng nước khi nước lũ rút đi. |  |  |
| 2 | Tầm rửa thật sạch khi bị ướt do nước lũ tràn vào. |  |  |
| 3 | Khi đi tránh lũ trở về, cần nhờ người lớn kiểm tra xem  cầu dao điện đã được ngắt chưa. |  |  |
| 4 | Không ăn uống hoặc nấu nướng với thực phẩm hoặc nguyên liệu bị ngập nước mưa. |  |  |

- GV mời đại diện một số nhóm chia sẻ kết quả, nhóm khác bổ sung nếu có câu trả lời khác. GV tổng hợp và lấy ý kiến chung.

- GV dặn dò HS thường xuyên theo dõi thông tin mưa lũ trên đài truyền hình, báo, đài phát thanh để chuẩn bị nhu yếu phẩm; thực hiện tự bảo vệ trong và sau khi lũ lụt xảy ra theo hướng dẫn.

***\* Nhiệm vụ 4: Thực hành mặc áo phao***

- GV giới thiệu mục đích của hoạt động thực hành mặc áo phao.

- GV hướng dẫn mặc áo phao đúng cách:

* GV giơ áo phao và giải thích để HS nhận biết thế nào là một áo phao đủ tiêu chuẩn an toàn.
* GV hướng dẫn cách mặc áo phao.

- GV phát cho mỗi nhóm 1 áo phao và thực hành mặc áo phao cho bạn.

**Hoạt động 3: Tự bảo vệ khi sạt lở đất**

**a. Mục tiêu:** nhận biết được các dấu hiệu có nguy cơ sạt lở đất và tự bảo vệ trước, trong và sau khi sạt lở.

**b. Nội dung:**

- Khảo sát nhận diện dấu hiệu có nguy cơ sạt lở đất

- Hành động trước, trong và sau khi sạt lở đất

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Nhiệm vụ 1: Khảo sát nhận diện dấu hiệu có nguy cơ sạt lở đất***

- Gv cho HS khảo sát dấu hiệu có nguy cơ sạt lở đất theo bảng dưới đây, HS sử dụng thẻ màu xanh – chọn Đúng, thẻ đỏ - chọn sai để đưa ra ý kiến của mình.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Dấu hiệu có nguy cơ sạt lở đất** | **Đúng** | **Sai** |
| 1 | Các rãnh thoát nước mưa trên các sườn dốc (đặc biệt là những nơi mà dòng nước chảy tụ lại) xuất hiện dấu vết sạt lở. |  |  |
| 2 | Cây bị nghiêng hoặc di chuyển. |  |  |
| 3 | Vỡ mạch nước ngầm hoặc nước đang từ trong chuyển sang đục. |  |  |
| 4 | Vết nứt mới xuất hiện trên tường, trần, nền, bức tường, lề đường hoặc cầu thang không nguyên dạng. Xuất hiện các vết nứt mở rộng trên mặt đất hoặc trên lối đi. |  |  |
| 5 | Mặt đất xuất hiện vết nút, hiện tượng phồng rộp, đường  bấp bênh. Nước phun ra từ mặt đất tại nhiều vị trí mới. |  |  |
| 6 | Cây cối rung chuyển, âm thanh lạ trong lòng đất. |  |  |
| 7 | Hàng rào, tường chắn, cột điện bị nghiêng hoặc di chuyển. |  |  |
| 8 | Nghe thấy tiếng rơi của đất đá và âm lượng tăng dần, mặt đất bắt đầu dịch chuyển theo chiều dốc. |  |  |

- GV mời HS kể thêm các dấu hiệu sạt lở đất mà em biết.

***\* Nhiệm vụ 2: Hành động trước, trong và sau khi sạt lở đất***

- GV cho HS làm việc theo cặp chia sẻ những hành động đã hoặc sẽ làm trước, trong và sau khi sạt lở đất:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Việc làm | Đã (sẽ) thực hiện | Không thực hiện |
| Trước khi sạt lở đất | | | |
| 1 | Tỉm hiểu khu vực gần nhà đã từng xảy ra sạt lở đất |  |  |
| 2 | Quan sát đất quanh nơi ở để phát hiện dấu hiệu sạt lở đất |  |  |
| 3 | Chuẩn bị thức ăn, nước, uống và đồ sơ cứu y tế, đèn pin, cuốc, xẻng, cuộn dây,… |  |  |
| Trong khi sạt lở đất | | | |
| 1 | Sơ tán theo hướng dẫn của chính quyền địa phương. |  |  |
| 2 | Di chuyển nhanh ra khỏi nơi sạt lở. |  |  |
| 3 | Không đi lại gần cầu, cống khi nước đang lên; không vớt củi, bơi lội ở sông suối khi có mưa lớn hoặc khi nước chuyển từ trong sang đục. |  |  |
| Sau khi sạt lở | | | |
| 1 | Tránh xa khu vực sạt lở vì nền đất chưa ổn định. |  |  |
| 2 | Không được vào bất kì ngôi nhà nào nếu chưa được người lớn kiểm tra. |  |  |